

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI**

Số: 2711/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngọc Hồi, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của huyện Ngọc Hồi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện khóa VII - Kỳ họp lần thứ 3 về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện khóa VII - Kỳ họp lần thứ 3 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 huyện Ngọc Hồi;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ngọc Hồi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của huyện Ngọc Hồi (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện ủy;
- Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, phường, thị trấn thuộc huyện;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chí Tường

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 2711 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: triệu đồng

S	Nội dung	Dự toán năm 2022
TT		
A	B	C
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	351.517
I	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	107.871
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	18.155
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	89.716
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	243.646
	- Bổ sung cân đối	236.122
	- Bổ sung có mục tiêu	7.524
	- Thu bổ sung khác	
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	
V	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	
B	TỔNG CHI NSDP	351.517
I	Tổng chi cân đối NS huyện	343.993
1	Chi đầu tư phát triển	42.596
2	Chi thường xuyên	293.302
3	Chi trả nợ và viện trợ	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng	7.500
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	595
7	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi QL qua NSNN	
II	Chi các chương trình mục tiêu	7.524
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.524
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
A	B	C
A	Ngân sách cấp huyện	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	345.701,0
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	102.055,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	243.646,0
	- Bổ sung cân đối	236.122,0
	- Bổ sung có mục tiêu	7.524,0
	- Thu bổ sung khác	-
	Trong đó: vốn XD CB ngoài nước	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	
5	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	
II	Chi ngân sách cấp huyện	345.701,0
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	295.093,0
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	50.608,0
	- Bổ sung cân đối	43.492,0
	- Bổ sung có mục tiêu	7.116,0
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện	
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	56.424,0
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	5.816,0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	50.608,0
	- Bổ sung cân đối	43.492,0
	- Bổ sung có mục tiêu	7.116,0
	Trong đó: vốn XD CB ngoài nước	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	56.424,0
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	56.424,0
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 2711 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	
		Tổng thu NSNN	THU NSDP
A	B	C	D
	THU CÂN ĐỐI NSNN	414.180,0	107.871,0
I	Thu nội địa	144.180,0	107.871,0
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	8.340,0	1.285,0
-	Thuế giá trị gia tăng	8.300,0	1.245,0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước		
-	Thuế tài nguyên	40,0	40,0
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	920,0	138,0
-	Thuế giá trị gia tăng	650,0	98,0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	270,0	40,0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	58.450,0	49.371,0
-	Thuế giá trị gia tăng	50.650,0	43.053,0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	640,0	544,0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	150,0	150,0
-	Thuế tài nguyên	7.010,0	5.624,0
5	Lệ phí trước bạ	7.500,0	7.500,0
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100,0	100,0
8	Thuế thu nhập cá nhân	4.900,0	4.410,0
9	Thuế bảo vệ môi trường	-	
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu		
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước		
10	Thu phí, lệ phí	12.100,0	3.910,0
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu		
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu	12.100,0	3.910,0
	Tr đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	1.000,0	1.000,0
	Tr đó: Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế	8.000,0	
11	Tiền sử dụng đất	40.000,0	35.200,0
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý		
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	40.000,0	35.200,0

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	
		Tổng thu NSNN	THU NSDP
A	B	C	D
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	2.440,0	1.952,0
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	-	
14	Thu từ bán tài sản nhà nước	-	
	Trong đó: - Do trung ương	-	
	- Do địa phương	-	
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước	-	
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	
17	Thu khác ngân sách	7.600,0	3.400,0
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương	4.140,0	
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.830,0	605,0
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp	1.225,0	
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	605,0	605,0
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	-	
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)	-	
II	Thu về dầu thô	-	
III	Thu Hải quan	270.000,0	
IV	Thu viện trợ	-	
V	Các khoản huy động, đóng góp	-	
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CẤU CHI NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: triệu đồng

S TT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NSDP	351.517	295.093	56.424
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	343.993	287.659	56.334
I	Chi đầu tư phát triển	42.596	38.596	4.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	42.596	38.596	4.000
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	0		
-	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	35.200	31.200	4.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	293.302	241.968	51.334
	Trong đó:	0		
1	Chi Giáo dục- đào tạo và dạy nghề	164.028	163.590	438
2	Chi khoa học và công nghệ	150	150	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	7.500	6.500	1.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	595	595	
VII	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU (*)	7.524	7.434	90
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.524	7.434	90
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

UBND HUYỆN NGỌC HỒI

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán
A	B	C
	TỔNG CHI NSDP	395.009
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	43.492
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	351.517
I	Chi đầu tư phát triển	46.596
1	Chi đầu tư cho các dự án	46.596
-	Chi quốc phòng	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi Khoa học và công nghệ	
-	Chi Y tế, dân số và gia đình	
-	Chi Văn hóa thông tin	
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi Thể dục thể thao	
-	Chi Bảo vệ môi trường	
-	Chi các hoạt động kinh tế	
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
-	Chi Bảo đảm xã hội	
-	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	296.826
1	Chi quốc phòng	10.363
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.732
3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	164.028
4	Chi Khoa học và công nghệ	150
5	Chi Y tế, dân số và gia đình	934
6	Chi Văn hóa thông tin	1.754
7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.084
8	Chi Thể dục thể thao	200
9	Chi Bảo vệ môi trường	8.200
10	Chi các hoạt động kinh tế	19.043
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	69.348
12	Chi Bảo đảm xã hội	10.454
13	Chi khác	8.536
III	Dự phòng ngân sách	7.500
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	595
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 22/M /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTGG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTGG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
	TỔNG SỐ	333.691	30.586	296.010	6.500	595	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	275.988	30.586	245.402	-	-	-	-	-	-
1	VP HĐND và UBND	8.461	1.500	6.961						
2	Phòng NN và PTNT	1.634		1.634			-			
3	Phòng Tư pháp	782		782			-			
4	Phòng Tài chính - KH	1.303		1.303			-			
5	Phòng Kinh tế và HT	15.028		15.028			-			
6	VP Phòng GD và ĐT (Bao gồm các đơn vị trường học)	160.440		160.440			-			
7	Phòng Y tế	577		577			-			
8	Phòng Lao động TB&XH	11.661		11.661			-			
9	Phòng Văn hóa và TT	977		977						
10	Phòng TN & MT	3.050		3.050						
11	Phòng Nội vụ	3.218		3.218						
12	Thanh Tra huyện	974		974						
13	Phòng Dân tộc	883		883						
14	Trung tâm văn hóa - thể thao - du lịch và truyền thông huyện	3.053		3.053						
15	VP Huyện ủy	9.212		9.212						
16	UBMT TQVN huyện	2.202		2.202						
17	Huyện đoàn	1.089		1.089						
18	Hội phụ nữ huyện	892		892						
19	Hội Nông dân	978		978						
20	Hội cựu chiến binh	672		672						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTGG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTGG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
21	Hội chữ thập đỏ	175		175						
22	Hội cựu TNXP	93		93						
23	Hội nạn nhân CĐ DC	93		93						
24	Hội người cao tuổi	182		182						
25	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên	1.206		1.206						
26	BQL Dự án đầu tư xây dựng huyện	30.171	29.086	1.085						
27	Trung tâm chính trị	1.004		1.004						
28	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị	651		651						
29	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện	1.244		1.244						
30	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi	75		75						
31	Công an huyện	1.380		1.380						
32	BCH Quân sự huyện	5.710		5.710						
33	Các đơn vị khác cấp ngân sách	6.918		6.918			-			
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	6.500			6.500					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	595				595				
IV	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	50.608		50.608						
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Xã, phường, thị trấn	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	414.180,0	5.816,0	1.223,0	4.593,0	50.608,0	-	-	56.424,0
1	UBND thị trấn Plei Kần	86.683,0	4.925,0	760,0	4.165,0	7.508,0			12.433,0
2	UBND xã Đăk Xú	5.650,0	205,0	85,0	120,0	6.193,0			6.398,0
3	UBND xã Đăk Nông	30.220,0	112,0	70,0	42,0	6.168,0			6.280,0
4	UBND xã Đăk Ang	88,0	20,0	17,0	3,0	5.262,0			5.282,0
5	UBND xã Pờ Y	279.218,0	240,0	140,0	100,0	7.892,0			8.132,0
6	UBND xã Sa Loong	740,0	75,0	40,0	35,0	5.807,0			5.882,0
7	UBND xã Đăk Kan	10.521,0	136,0	51,0	85,0	5.171,0			5.307,0
8	UBND xã Đăk Dục	1.060,0	103,0	60,0	43,0	6.607,0			6.710,0

UBND HUYỆN NGỌC HỒI**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Xã, phường, thị trấn	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	Tổng số	7.116,0	-	7.116,0	-
1	UBND thị trấn Plei Kần	2.660,0		2.660	
2	UBND xã Đăk Xú	151,0		151	
3	UBND xã Đăk Nông	227,0		227	
4	UBND xã Đăk Ang	623,0		623	
5	UBND xã Bờ Y	1.745,0		1.745	
6	UBND xã Sa Loong	631,0		631	
7	UBND xã Đăk Kan	449,0		449	
8	UBND xã Đăk Dục	630,0		630	

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Ngọc Hồi)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây Dựng	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết 31/12/2021				Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2022			
					Số Quyết định, ngày , tháng, năm	Tổng mức đầu tư được quyết					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện	Ngân sách TW	Vốn dân góp		Ngân sách cấp tỉnh, huyện	Ngân sách TW	Vốn dân góp		Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện	Ngân sách TW	Vốn dân góp				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG					143.242	-	143.242	-	-	19.363	19.363	-	-	19.363	19.363	-	-	47.596	47.596	-	-
I	NGUỒN PHÂN CẤP XỔ SỐ KIẾN THIẾT					3.000	-	3.000	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	THỰC HIỆN DỰ ÁN					3.000	-	3.000	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					3.000	-	3.000	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-
1	Trường MN xã Đắk Xú (Xây mới: 04 phòng và các hạng mục khác...)	Xã Đắk Xú		2021-2023	2631/QĐ-UBND 18/12/2020	3.000	-	3.000	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-	990	990	-	-
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	NGUỒN PHÂN CẤP TRONG CÁN ĐỐI THEO NGHỊ QUYẾT 63 HĐND TỈNH					34.980	-	34.980	-	-	7.726	7.726	-	-	7.726	7.726	-	-	7.396	7.396	-	-
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	THỰC HIỆN DỰ ÁN					34.980	-	34.980	-	-	7.726	7.726	-	-	7.726	7.726	-	-	7.396	7.396	-	-
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(2)	Các dự án hoàn thành năm 2022					27.480	-	27.480	-	-	7.646	7.646	-	-	7.646	7.646	-	-	6.000	6.000	-	-
1	Đường quy hoạch khu trung tâm hành chính mới tuyến số 3 (nền, mặt đường và công trình thoát nước)	Thị trấn Plei Kán		2021-2023	2632/QĐ-UBND 18/12/2020	14.990	-	14.990	-	-	4.200	4.200	-	-	4.200	4.200	-	-	2.500	2.500	-	-
2	Năng cấp trụ Đảng ủy, HĐND-UBND xã Đắk Nông	Xã Đắk Nông		2021-2024	2633/QĐ-UBND 18/12/2020	7.500	-	7.500	-	-	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-	-
3	Đường vào Khu sản xuất tiêu khu 178 xã Đắk Kan	Xã Đắk Kan		2021-2025	2621/QĐ-UBND 17/12/2020	4.990	-	4.990	-	-	1.446	1.446	-	-	1.446	1.446	-	-	1.500	1.500	-	-
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022					7.500	-	7.500	-	-	80	80	-	-	80	80	-	-	1.396	1.396	-	-
1	Năng cấp trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Sa Loong	Xã Đắk Nông		2022-2024	42/NQ-HĐND 12/11/2021	7.500	-	7.500	-	-	80	80	-	-	80	80	-	-	1.396	1.396	-	-
III	NGUỒN HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					9.972	-	9.972	-	-	1.010	1.010	-	-	1.010	1.010	-	-	3.010	3.010	-	-
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	THỰC HIỆN DỰ ÁN					9.972	-	9.972	-	-	1.010	1.010	-	-	1.010	1.010	-	-	3.010	3.010	-	-
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					2.165	-	2.165	-	-	1.010	1.010	-	-	1.010	1.010	-	-	1.010	1.010	-	-
1	Trường Tiểu học xã Đắk Ang (Xây mới 02 phòng chức năng và các hạng mục khác)	Xã Đắk Ang		2021-2022	1852/QĐ-UBND 21/09/2021	2.165	-	2.165	-	-	1.010	1.010	-	-	1.010	1.010	-	-	1.010	1.010	-	-
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022					7.807	-	7.807	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-
	Dự án nhóm C					7.807	-	7.807	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-
1	Đường vào khu trung tâm xã Đắk Ang	Xã Đắk Ang		2022-2024	2293/QĐ-UBND 12/11/2021	4.100	-	4.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	650	650	-	-
2	Đường lô 2 thôn Giang Lồ 1 (nhánh 2), xã Sa Loong	Xã Sa Loong		2022-2023	2294/QĐ-UBND 12/11/2021	942	-	942	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	350	350	-	-

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây Dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết 31/12/2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2022				
					Số Quyết định, ngày , tháng, năm	Tổng mức đầu tư được quyết				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện	Ngân sách TW			Vốn dân góp	Ngân sách cấp tỉnh, huyện			Ngân sách TW	Vốn dân góp		Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện	Ngân sách TW	Vốn dân góp	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	Đường vào khu sản xuất thôn Đắk Vang đi A7 (đoạn 3), xã Sa Loong	Xã Sa Loong		2022-2023	2295/QĐ-UBND 12/11/2021	879	-	879	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	300	-	-
4	Đường vào khu sản xuất thôn Bun Ngai (đoạn 3), xã Sa Loong	Xã Sa Loong		2022-2023	2296/QĐ-UBND 12/11/2021	686	-	686	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	300	-	-
5	Sân vận động trung tâm xã Sa Loong	Xã Sa Loong		2022-2023	2297/QĐ-UBND 12/11/2021	1.200	-	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	400	-	-
IV	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT					95.290	-	95.290	-	-	9.637	9.637	-	-	9.637	9.637	-	-	36.200	36.200	-	-
	TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN DAHT										1.300	1.300	-	-	1.300	1.300	-	-	1.000	1.000	-	-
	PHÂN CẤP ĐẦU TƯ CÁC XÃ, THỊ TRẤN										4.000	4.000	-	-	4.000	4.000	-	-	4.000	4.000	-	-
	TRỒNG RỪNG										1.337	1.337	-	-	1.337	1.337	-	-	2.000	2.000	-	-
	CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC										-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-
	CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI										1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-	2.000	2.000	-	-
	THỰC HIỆN DỰ ÁN					95.290	-	95.290	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-	22.200	22.200	-	-
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					3.200	-	3.200	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-
	Dự án nhóm C					3.200	-	3.200	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-
1	Trang thiết bị phục vụ một cửa hiện đại cho 8 xã, thị trấn	Các xã, TT		2021-2023	2637/QĐ-UBND 18/12/2020	3.200	-	3.200	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-	1.500	1.500	-	-
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					36.000	-	36.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.900	9.900	-	-
	Dự án nhóm C					36.000	-	36.000	-	-	15.380	15.380	-	-	15.380	15.380	-	-	9.900	9.900	-	-
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Đh 74 (từ trụ sở công ty 732 đến đập Đắk Kan	Xã Đắk Kan		2021-2023	2638/QĐ-UBND 18/12/2020	10.000	-	10.000	-	-	4.980	4.980	-	-	4.980	4.980	-	-	2.000	2.000	-	-
2	Mở rộng khu dân cư trung tâm hành chính huyện	Thị trấn Plei Kăn		2020-2022	2639/QĐ-UBND 18/12/2020	26.000	-	26.000	-	-	10.400	10.400	-	-	10.400	10.400	-	-	7.900	7.900	-	-
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					16.500	-	16.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-
	Dự án nhóm C					16.500	-	16.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-
1	Khu dân cư mới thị trấn Pleikăn	Thị trấn Plei Kăn		2021-2023	Nghị Quyết 33/NQ-HĐN 30/07/2021	16.500	-	16.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022					39.590	-	39.590	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.800	7.800	-	-
	Dự án nhóm C					39.590	-	39.590	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.800	7.800	-	-
1	Tạo mặt bằng Khu trung tâm thương mại kết hợp nhà phố (Shophouse) (thực hiện công tác giải phóng mặt bằng)	Thị trấn Plei Kăn		2022-2024	2280/QĐ-UBND 12/11/2021	4.990	-	4.990	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-
2	Đường nội bộ khu đầu tư giải quyết sử dụng đất Khu bệnh viện cũ - Đường Nguyễn Huệ	Thị trấn Plei Kăn		2022-2023	2284/QĐ-UBND 12/11/2021	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.250	1.250	-	-
3	Cải tạo Công viên thị trấn Pleikăn	Thị trấn Plei Kăn		2022-2024	Nghị Quyết 45/NQ-HĐN 12/11/2021	14.900	-	14.900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	450	450	-	-
4	Trường bắn, thao trường bắn huấn luyện huyện Ngọc Hồi	Xã Đắk Kan		2022-2023	2281/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-
5	Mở rộng đường bao phía tây thị trấn PleiKăn (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh, điểm cuối giao tại KM 0+882,5 đường bao phía Tây)	Thị trấn Plei Kăn		2022-2024	Nghị Quyết 44/NQ-HĐN 12/11/2021	12.200	-	12.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	300	-	-
6	Nâng cấp nước sinh hoạt Đắk Giá I, II	Xã Đắk Ang		2022-2023	2282/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.800	1.800	-	-